

- Kiểm soát tốt lượng từ vựng ở trình độ sơ cấp. Tuy vậy vẫn có những lỗi lớn khi diễn đạt những ý nghĩ phức tạp hay những chủ đề và tình huống không quen thuộc

- Nắm được các kiến thức ngữ pháp tiếng Anh cơ bản như Thì, giới từ, cụm tính từ, động từ, các cấu trúc so sánh, cấu trúc mô tả...

2.2.2. Về kỹ năng:

Học phần Tiếng Anh 2 được thiết kế nhằm tiếp tục rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu CEFR. Kết thúc học phần này sinh viên có thể:

- Xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó.

- Đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình.

- Viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm như tin nhắn, bưu thiếp, email, thư xã giao...

- Mô tả được vị trí các đồ vật trong phòng, trang phục ưa thích, mua sắm trả giá các mặt hàng, nói về các phương tiện đi lại và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến của mình.

- Phát triển kỹ năng nghe để trả lời các câu hỏi đúng/ sai, trắc nghiệm, điền từ vào đoạn văn.

2.2.3. Về thái độ:

Học phần giúp sinh viên ý thức được vị trí của môn học, tham gia vào quá trình học một cách tích cực, áp dụng các kiến thức học được vào thực tiễn học tập và sử dụng tiếng Anh.

Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên có tinh thần kỷ luật tốt, thái độ học tập, lao động đúng đắn; nghiêm túc trong công việc, giờ giấc; có khả năng tự nghiên cứu, làm việc nhóm.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
	<i>Về kiến thức</i>
CLO1	Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc về gia đình, nhà cửa, du lịch, cuộc sống ở thành phố, thời trang, mua sắm v.v...
CLO 2	Đủ vốn từ để có thể miêu tả những tình huống không thể đoán trước, giải thích các điểm chính của vấn đề với độ chính xác hợp lý và thể

	hiện những suy nghĩ về các chủ đề mang tính trừu tượng hay văn hóa như gia đình, nhà cửa, du lịch, cuộc sống thành phố...
CLO 3	Nhận diện mạch lập luận của văn bản đang đọc, dù không nhất thiết phải thật chi tiết.
CLO4	Kiểm soát tốt lượng từ vựng ở trình độ sơ cấp. Tuy vậy vẫn có những lỗi lớn khi diễn đạt những ý nghĩ phức tạp hay những chủ đề và tình huống không quen thuộc
CLO 5	Nắm được các kiến thức ngữ pháp tiếng Anh cơ bản như Thì, giới từ, cụm tính từ, động từ, các cấu trúc so sánh, cấu trúc mô tả...
	Về kỹ năng
CLO 6	Xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó
CLO 7	Đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình.
CLO 8	Viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm như tin nhắn, bưu thiếp, email, thư xã giao...
CLO 9	Mô tả được vị trí các đồ vật trong phòng, trang phục ưa thích, mua sắm trả giá các mặt hàng, nói về các phương tiện đi lại và trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến của mình.
CLO 10	Có thể phát triển kỹ năng nghe để trả lời các câu hỏi đúng/ sai, trắc nghiệm, điền từ vào đoạn văn.
	Về thái độ Về thái độ (mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm)
CLO11	Ý thức được vị trí của môn học, tham gia vào quá trình học một cách tích cực, ứng dụng các kiến thức học được vào thực tiễn học tập và sử dụng tiếng Anh.
CLO 12	Có tinh thần kỷ luật tốt, thái độ học tập, lao động đúng đắn; nghiêm túc trong công việc, giờ giấc; có khả năng tự nghiên cứu, làm việc nhóm.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO 1						R						
CLO 2						R						
CLO 3						R						
CLO 4						R						
CLO 5						R						
CLO 6						R						

CLO 7						R						
CLO 8						R						
CLO 9						R						
CLO 10						R						
CLO 11						R						
CLO 12						R						

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	5%					Sử dụng rubric
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	25%	A2.1. Tuần 5 (Tổng hợp kiến thức)	50%		CLO 2 CLO 4 CLO 8	A2.1. Kiểm tra vấn đáp Kiểm tra kỹ năng nói phần 3, 4 trong khung B1
		A2.2. Tuần 10 (Các bài trong quá trình học)	50%		CLO 1 CLO 3 CLO 5 CLO 6 CLO 7 CLO 8 CLO 9	A2.2 Kiểm tra Nghe, Đọc, Viết Kiểm tra Nghe (Part 3, 4), đọc (Part 3,4,5), viết (Part 3)
A4. Đánh giá cuối kỳ	70%	Bài kiểm tra cuối kỳ: Viết			CLO 1-12	Sử dụng rubric

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (2 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/T H/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 5.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	UNIT 1: HOUSE AND HOME (6 tiết) I. Listening: Part 3 II. Speaking: Part 3 III. Reading: Part 3 IV. Writing: Part 3	4	Sinh viên có khả năng: Nắm được các từ vựng liên quan đến các phòng trong nhà, và các vật dụng quen thuộc Sử dụng các cấu trúc mô tả vị trí một cách linh hoạt để nói về một địa điểm, một căn phòng yêu thích Nghe chọn đáp án theo hình thức trắc nghiệm trên cơ sở hiểu sâu nội dung của bài nghe Viết thư kể về những người bạn mới quen Đọc lấy thông tin để trả lời câu hỏi trắc nghiệm (phần 4)	CLO3 CLO4 CLO5	- PP dạy học tương tác: sinh viên giao tiếp, trao đổi thông tin theo cặp, nhóm; - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên	Sinh viên mô tả căn phòng trong nhà Sinh viên làm việc theo nhóm thực hành vận dụng các cụm từ phỏng đoán để mô tả tranh	

2	<p>UNIT 2: PLACES OF INTEREST (6 tiết)</p> <p>I. Listening: Part 3 II. Speaking: Part 3 III. Reading: Part 4 IV. Writing: Part 3</p>	4	<p>Sinh viên có khả năng: Nghe lấy thông tin để điền từ vào đoạn văn hoặc đoạn tóm tắt (phần 3) Đọc xác nhận thông tin đúng sai dựa trên nội dung của bài đọc Vận dụng linh hoạt các cụm cấu trúc mô tả, các cụm từ mang tính phỏng đoán để lột tả được nội dung của một bức tranh Luyện viết câu trả lời cho một mẫu điều tra phỏng vấn</p>	CLO3 CLO4 CLO5	<p>- PP dạy học tương tác: sinh viên giao tiếp, trao đổi thông tin theo cặp, nhóm; - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên</p>	<p>Sinh viên làm việc độc lập trong phần nghe Sinh viên làm việc theo cặp trong các hoạt động nói, đọc, viết</p>	
3	<p>UNIT 3: WHAT A BARGAIN! (6 tiết)</p> <p>I. Listening: Part 4 II. Speaking: Part 4 III. Reading: Part 5 IV. Writing: Part 3</p>	4	<p>Sinh viên có khả năng Phát triển các từ vựng liên quan đến trang phục Luyện viết thư phần 3, thể hiện lời mời bạn cùng tham gia một hoạt động Nghe lấy thông tin chính điền vào đoạn văn tóm tắt Sử dụng linh hoạt các cụm từ, tính từ và các cấu trúc phỏng đoán để mô tả tranh</p>	CLO3 CLO4 CLO5	<p>- PP dạy học tương tác: sinh viên giao tiếp, trao đổi thông tin theo cặp, nhóm; - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên</p>	<p>Sinh viên thực hành viết thư và trao đổi thư Sinh viên làm việc theo nhóm để thực hiện các hoạt động nói, đọc</p>	

4	<p>UNIT 4: PRACTICE TEST (6 tiết)</p> <p>I. Listening: Part 3, Part 4 II. Speaking: Part 3, Part 4 III. Reading: Part 3, Part 4, Part 5 IV. Writing: Part 3</p>	4	Luyện các dạng bài liên qua tới các phần 3, 4 của tất cả 4 kỹ năng	CLO6 CLO7 CLO8	<p>PP thuyết trình tích cực có sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học, diễn giải và tương tác với sinh viên</p> <p>GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên</p>	Sinh viên làm việc độc lập hoặc theo nhóm và làm theo các dạng đề bài do giảng viên giao	A1.1.
5	<p>UNIT 5: PRACTICE TEST (6 tiết)</p> <p>I. Listening: Part 3, Part 4 II. Speaking: Part 3, Part 4 III. Reading: Part 3, Part 4, Part 5 IV. Writing: Part 3</p>	5	Luyện các dạng bài liên quan tới các phần 3, 4 của tất cả 4 kỹ năng	CLO3 CLO4 CLO5 CLO7	<p>- PP thuyết trình tích cực có sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học, diễn giải và tương tác với sinh viên;</p> <p>- PP thảo luận, giải quyết vấn đề.</p> <p>- PP làm mẫu-tái tạo</p> <p>- GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và</p>	Sinh viên làm việc độc lập hoặc theo nhóm và làm theo các dạng đề bài do giảng viên giao	

					projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên		
6	Ôn tập và kiểm tra tín chỉ	4				Sinh viên thực hiện bài Nói 3 và bài viết gồm 3 kỹ năng nghe, đọc, viết	A2
7	Kiểm tra cuối kì					Kiểm tra 3 kỹ năng nghe, đọc, viết	A4

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Kenny. N & Kelly. A	2007	<i>Ready for PET. Course book</i>	MacMillan Education
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Cambridge ESOL	2013	<i>Cambridge Preliminary English Test 4</i>	Cambridge university press.
3	Cambridge ESOL	2013	<i>Cambridge Preliminary English Test 5</i>	Cambridge university press.
4	Cambridge ESOL	2013	<i>Cambridge Preliminary English Test 6</i>	Cambridge university press.
5	Jenny Quintana	2010	<i>PET Result, Student's Book</i>	Oxford University Press
6	Tim Falla & Paul A.D.	2008	Solutions – Intermediate level	Oxford University Press
7	Ashton-Thomas	2006	<i>PET Practice Test Plus</i>	Pearson Longman

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học ngoại ngữ có ghế xếp	Projector, loa, màn hình máy chiếu	01	Tất cả các bài học

9. Rubric đánh giá

a. Đánh giá chuyên cần (Attendance Check) Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3,9)	MỨC D (4,0-5,4)	MỨC C (5,5-6,9)	MỨC B (7,0-8,4)	MỨC A (8,5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>90%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp tại lớp. Đóng góp không hiệu quả	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. phát biểu ít khi có hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả	50%

b. Kiểm tra và thi viết

Phần nghe	20%
Phần đọc	40%
Phần viết	40%

Quảng Bình, ngày 7 tháng 9 năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Nguyễn Đình Hùng

TS. Lê Thị Hằng

ThS. Nguyễn Thọ Phước Thảo